

TS tiết: 32 tiết/tuần

Điểm trường			Pà Đà		Pà Ong		Cà Lai		Bến Giàng		Trường Chính									
Thứ	Buổi	Lớp/ Tiết	1/1	2/1	1/2	2/2	1/3	2/3	1/4	2/4	3/1	3/2	3/3	4/1	4/2	4/3	5/1	5/2	5/3	
Hai	Sáng	1	HDTN	HDTN	HDTN	HDTN	HDTN	HDTN	HDTN	HDTN	HDTN	HDTN	HDTN	HDTN	HDTN	HDTN	HDTN	HDTN	HDTN	
		2	GDTC (Biết)	Toán	Toán	AV (Đào)	Toán	Tiếng việt	AV (Mai)	Toán	Toán	Toán	TNXH (Đê)	Tiếng Việt	Toán	Tiếng Việt	GDTC (Trí)	Tiếng Việt	Toán	
		3	Tiếng Việt	GDTC (Biết)	Tiếng Việt	Tiếng việt	Tiếng Việt	Tiếng việt	ÂN (Diên)	AV (Mai)	TNXH (Đê)	AV (Đào)	Tiếng Việt	Toán	Tiếng Việt	MT (Nguyễn)	Toán	GDTC (Trí)	Tiếng Việt	
		4	Tiếng Việt	ĐS (Biết)	Tiếng Việt	Tiếng việt	Tiếng Việt	Toán	Toán	ÂN (Diên)	AV (Đào)	TNXH (Đê)	Tiếng Việt	LS &DL	MT (Nguyễn)	AV (Mai)	Tiếng Việt	Toán	GDTC (Trí)	
	Chiều	1	Toán	Tiếng việt	MT (Nguyễn)	ÂN (Diên)	GDTC (Trí)	TNXH (Đê)	Tiếng Việt	Tiếng việt	ĐĐ (Thần)	AV (Đào)	Toán	Tiếng Việt	LS &DL	Toán	CN (Thuận)	AV (Mai)	Tin (Lý)	
		2	TCTV	Tiếng việt	ÂN (Diên)	MT (Nguyễn)	TNXH (Đê)	GDTC (Trí)	Tiếng Việt	GDTC (Biết)	Tiếng Việt	Tiếng Việt	AV (Đào)	TCT	Tiếng Việt	Tiếng Việt	AV (Mai)	Tin (Lý)	KH (Thần)	
		3	TCT	Toán (TC)	ÂNTC (Diên)	MTTC(Nguyễn)	ĐS (Trí)	ĐĐ (Thần)	GDTC (Biết)	Tiếng việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	TCTV	AV (Đào)	TCT	LS&DL	Tin (Lý)	CN (Thuận)	AV (Mai)	
		1	ĐĐ (Thần)	Toán	TNXH (Đê)	GDTC (Trí)	LQTin học (Lý)	T.Việt	Tiếng Việt	MT (Nguyễn)	GDTC (Biết)	Tiếng Việt	Tiếng Việt	AV (Đào)	Toán	Toán	Toán	AV (Mai)	Toán	
Ba	Sáng	2	Toán	ĐĐ (Thần)	GDTC (Trí)	TNXH (Đê)	Toán	LQTin học (Lý)	Tiếng Việt	Tiếng việt	Tiếng Việt	GDTC (Biết)	AV (Đào)	Toán	Tiếng Việt	AV (Mai)	Tiếng Việt	ÂN (Diên)	Tiếng Việt	
		3	Tiếng Việt	Tiếng việt	Tiếng Việt	Toán	Tiếng Việt	Tiếng việt	LQTin học (Lý)	Tiếng việt	Toán	Toán	Toán	MT (Nguyễn)	AV (Đào)	GDTC (Trí)	ÂN (Diên)	Toán	AV (Mai)	
		4	Tiếng Việt	Tiếng việt	Tiếng Việt	Tiếng việt	Tiếng Việt	ĐS (Thần)	Toán	LQTin học (Lý)	AV (Đào)	TCTV	Công nghệ	Tiếng Việt	GDTC (Trí)	Tiếng Việt	AV (Mai)	Tiếng Việt	ÂN (Diên)	
		1	MT (Nguyễn)	GDTC (Biết)	Toán	Tiếng việt	HDTN	Tiếng việt	AV (Mai)	Toán	Công nghệ	HDTN	TC Toán	ÂN (Diên)	AV (Đào)	KH (Thần)	ĐĐ (Kiến)	Khoa học	Tiếng Việt	
	Chiều	2	GDTC (Biết)	MT (Nguyễn)	TCTV	Tiếng việt	TCT	Tiếng việt	Tiếng Việt *	AV (Mai)	TC Toán	Công nghệ	AV (Đào)	KH (Thần)	Tin (Lý)	ÂN (Diên)	Tiếng Việt	ĐĐ (Kiến)	LS&DL	
		3	ĐS (Biết)	MTTC(Nguyễn)	AV (Mai)	Toán	TCTV	Toán (TC)	TCTV	Toán	TCTV	TC Toán	ÂN (Diên)	AV (Đào)	KH (Thần)	Tin (Lý)	Khoa học	Tiếng Việt	CN (Toàn)	
		Sáng	1	TNXH (Đê)	AV (Đào)	GDTC (Trí)	Toán	ĐĐ (Thần)	ÂN (Diên)	GDTC (Biết)	Tiếng việt	Tin (Lý)	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	AV (Mai)	Toán	Toán	Tiếng Việt
			2	AV (Đào)	TNXH (Đê)	Toán	GDTC (Trí)	ÂN (Diên)	Tiếng việt	Tiếng Việt	GDTC (Biết)	Toán	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Toán	MT (Nguyễn)	AV (Mai)	Tiếng Việt
3	Tiếng Việt		Tiếng việt	Tiếng Việt	Tiếng việt	Tiếng Việt	Tiếng việt	Tiếng Việt	Tiếng việt	Tiếng Việt	ĐĐ (Thần)	Tin (Lý)	GDTC (Biết)	Toán	Tiếng Việt	LS&DL	MT (Nguyễn)	AV (Mai)		
4	Tiếng Việt		Tiếng việt	Tiếng Việt	AV (Đào)	Tiếng Việt	Toán	HDTN	Tiếng việt	Tiếng Việt	Tin (Lý)	ĐĐ (Thần)	Toán	GDTC (Trí)	Tiếng Việt	AV (Mai)	LS&DL	MT (Nguyễn)		
Năm	Sáng	1	TNXH (Đê)	AV (Đào)	ĐĐ (Thần)	Tiếng việt	GDTC (Trí)	Toán	ÂNTC (Diên)	Tiếng việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	GDTC (Biết)	Tin (Lý)	Toán	AV (Mai)	Toán	Toán	Toán	
		2	AV (Đào)	TNXH (Đê)	Tiếng Việt	ĐĐ (Thần)	Tiếng Việt	GDTC (Trí)	Tiếng Việt	Tiếng việt	Toán	GDTC (Biết)	Tiếng Việt	Toán	ĐS (LÝ)	Toán	AV (Mai)	Tiếng Việt	Tiếng Việt	
		3	Tiếng Việt	Tiếng việt	Tiếng Việt	TNXH (Đê)	ÂNTC (Diên)	Tiếng việt	Tiếng Việt	Toán	GDTC (Biết)	AV (Đào)	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	ĐS (LÝ)	AV (Mai)	Khoa học	
		4	Tiếng Việt	Tiếng việt	TNXH (Đê)	Toán	Tiếng Việt	Tiếng việt	Toán	TV (TC)	Tiếng Việt	Toán	Toán	ĐS (Biết)	AV (Đào)	Khoa học	Tiếng Việt	LS&DL	AV (Mai)	
	Chiều	1	Tiếng Việt	Toán	Tiếng Việt	Toán (TC)	MT (Nguyễn)	HDTN	Tiếng Việt	Tiếng việt	TNXH (Đê)	ÂN (Diên)	AV (Đào)	CN (Toàn)	Khoa học	TCT	KH (Thần)	Tiếng Việt	ĐĐ (Quốc)	
		2	Tiếng Việt	LQTin học (Lý)	ĐS (Trí)	HDTN	Tiếng Việt	MT (Nguyễn)	Tiếng Việt	Toán (TC)	ÂN (Diên)	AV (Đào)	TNXH (Đê)	Toán	CN (Toàn)	LS&DL	LS&DL	KH (Thần)	LS&DL	
Sáu	Sáng	3	LQTin học (Lý)	TV (TC)	Tiếng Việt	ĐS (Trí)	Tiếng Việt	MTTC(Nguyễn)	TCT	HDTN	AV (Đào)	TNXH (Đê)	ĐS (Thần)	Khoa học	ÂN (Diên)	CN (Toàn)	Tăng cường	Tăng cường	Tăng cường	
		1	Tiếng Việt	Tiếng việt	AV (Mai)	Toán	Tiếng Việt	Toán	ĐĐ (Thần)	TNXH (Đê)	MT (Nguyễn)	Tiếng Việt	Toán	GDTC (Biết)	AV (Đào)	Toán	Toán	GDTC (Trí)	ĐS (LÝ)	
		2	Tiếng Việt	Tiếng việt	Tiếng Việt	Tiếng việt	Tiếng Việt	AV (Mai)	TNXH (Đê)	ĐĐ (Thần)	Toán	MT (Nguyễn)	GDTC (Biết)	AV (Đào)	Tiếng Việt	Tiếng Việt	GDTC (Trí)	ĐS (LÝ)	Toán	
		4	HDTN	HDTN	HDTN	HDTN	HDTN	HDTN	HDTN	HDTN	HDTN	HDTN	HDTN	HDTN	HDTN	HDTN	HDTN	HDTN	HDTN	
Giáo viên chủ nhiệm			Phơ Loong Luôn	Hoàn Thị Minh Hường	Nguyễn Thị Bửu	Đinh Thị Ngọc Bích	A Lăng Thị Niên	Coor Thị Kim Chung	Brao Thị Hào	A Lăng Thị Vân	Hoàng Thị Sơn Thủy	Trần Thị Nam Hải	Trịnh Thị Hương	Zor Râm Thị Yển	Huỳnh Thanh Hà (Huệ)	A Lăng Thị Phi Huyền	Trần Thị Lèn	La Lim Thị Nguyệt	Nguyễn Thị My Ly	
TỔNG SỐ TIẾT GVCN			20	20	20	20	20	20	20	19	19	19	19	19	19	19	19	19	19	
Tên Giáo viên			Môn dạy	Lớp dạy														Số tiết	SHCM tổ	
Lê Minh Trí			GDTC	18 tiết GDTC (1/2, 2/2, 1,3, 2/3, 4/2, 4/3, 5/1, 5/2, 5/3) + đọc sách 1/2; 2/2; 1/3														21		
Riah Biết			GDTC	16 tiết GDTC (1/1, 2/1, 1/4, 2/4, 3/1, 3/2, 3/3, 4/1) + đọc sách 1/1, 2/1,1/4,4/1; 2/4;														21		
Zor Râm Thanh Mai			AV	16 tiết AV 4/3,5/1,5/2,5/3 + 10 tiết AV 1/3,2/3,1/2,1/4,2/4														26		
Zor Râm Thị Đào			AV	20 tiết AV 3/1, 3/2,3/3,4/1;4/2 + 6 tiết AV 1/1,2/1, 2/2														26		
A Lăng Diên			ÂN	17 tiết ÂN + ÂN Tăng cường 1/1, 1/2, 1/3, 1/4														21		
Lê Thị Thảo Nguyễn			MT	17 tiết MT + 4 tiết MT Tăng cường 2/1, 2/2, 2/3, 2/4														21		
Trần Thị Lý			Tin + ĐS	Tin học 1-5: 17 tiết + 5 tiết đọc sách 4/2, 4/3; 5/1; 5/2; 5/3														22		
Huỳnh Thanh Hà			ĐĐ + KHC+ ĐS	Đạo đức 11 tiết khối 1 đến khối 3+ 6 tiết KH khối 4,5 + 4 tiết ĐS 3/1,3/2, 3/3,2/3														21		
Lê Trung Đề			TNXH	TNXH khối 1 đến khối 3														22		

Mai Thị Kiên (Hiệu trưởng)	ĐĐ	Đạo đức: 5/1, 5/2	2	
Nguyễn Đức Quốc (P.Hiệu trưởng)	ĐĐ	Đạo đức: 4/1, 4/2, 4/3, 5/3	4	
Bh Nướch Thị Toàn (P.Hiệu trưởng)	CN	Công nghệ: 4/1, 4/2, 4/3, 5/3	4	
Zơ Râm Thị Thuận (TPT Đối)	TPT	Công nghệ: 5/1+5/2	2	

KT, HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đức Quốc